

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Chính

- **Thư ký phiên toà:** Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Quách Thị T, sinh năm 1984; số căn cước: 037184005429; nơi đăng ký thường trú: Số M đường N, phường L, thành phố H; nơi ở hiện tại: Số S đường L, phường A, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trịnh Đức L, sinh năm 1976; số căn cước công dân: 031076004226; nơi đăng ký thường trú: Số M đường N, phường L, thành phố H; nơi ở hiện tại: Số S đường L, phường A, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 23 tháng 9 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Quách Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999, chị Quách Thị T và anh Trịnh Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023. Nguyên nhân do anh L chơi bời nghiện ngập, chơi lô đề dẫn đến phải bán nhà, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chị T đã cùng con ra ở trọ nhưng anh L thường xuyên tìm đến nơi chị làm việc để chửi bới, đe dọa chị. Anh chị hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là Trịnh Ánh D, sinh ngày 31/7/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị là người trực tiếp nuôi cháu D. Chị T đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trịnh Đức L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Đức L và chị Quách Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay chị T có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Anh L và chị T có 01 con chung là Trịnh Ánh D, sinh ngày 31/7/2020. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh L và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273; khoản 1 Điều 228 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho chị Quách Thị T được ly hôn anh Trịnh Đức L. Về con chung: Giao con chung là Trịnh Ánh D, sinh ngày 31/7/2020 cho chị T trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn cư trú tại phường L, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Anh Trịnh Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Quách Thị T và anh Trịnh Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa chị T và anh L qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Anh L nhiều lần đến nơi làm việc chửi bới, đe dọa chị T. Chị T và anh L hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ

chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung:

[4] Chị Quách Thị T và anh Trịnh Đức L có 01 con chung là Trịnh Ánh D, sinh ngày 31/7/2020. Chị T đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, cháu D còn nhỏ, hiện đang ở với mẹ. Vì vậy, yêu cầu của chị T phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

+ Về tài sản chung:

[5] Chị Quách Thị T và anh Trịnh Đức L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Chị Quách Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị T được ly hôn anh Trịnh Đức L.

- Về con chung: Giao con chung là Trịnh Ánh D, sinh ngày 31/7/2020 cho chị Quách Thị T trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Quách Thị T và anh Trịnh Đức L tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Quách Thị T và anh Trịnh Đức L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Quách Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004498 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Quách Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn chị Quách Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trịnh Đức L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đường sự;
- VKSND khu vực 5 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hải Phòng;
- UBND phường L, thành phố H (ĐKKH ngày 26/12/2018);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hảo